

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
(Thời điểm ngày 10/4/2025)

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
A. NGÀNH GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO TỔNG: 05 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH 331 NGÀY 18/02/2025 CỦA UBND TỈNH				
I	I	Cơ sở giáo dục khác		
1	1	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	QĐ 331	DVC trực tuyến một phần
2	2	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	QĐ 331	DVC trực tuyến một phần
3	3	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	QĐ 331	
4	4	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	QĐ 331	
5	5	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	QĐ 331	
B. CÔNG AN TỔNG: 08 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 5548/QĐ-BCA-C06 NGÀY 06/7/2021 CỦA BỘ CÔNG AN 2. QUYẾT ĐỊNH SỐ 3191 NGÀY 10/5/2022 CỦA BỘ CÔNG AN 3. QUYẾT ĐỊNH SỐ 690/QĐ-UBND NGÀY 03/4/2025 CỦA UBND TỈNH HÀ TĨNH				
II	I.	Đăng ký, quản lý cư trú		
6	1	Đăng ký thường trú	QĐ 5548	
7	2	Thông báo lưu trú	QĐ 5548	
8	3	Đăng ký tạm trú	QĐ 5548	
9	4	Khai báo tạm vắng	QĐ 5548	
10	5	Xác nhận thông tin về cư trú	QĐ 5548	
11	6	Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	QĐ 690	
12	7	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	QĐ 690	
III	II	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông đường bộ		
13	1	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe	QĐ 3191	

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
14	2	Đăng ký, cấp biển số xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) lần đầu tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe	QĐ 3191	
15	3	Đổi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe	QĐ 3191	
C. CÔNG THƯƠNG TỔNG: 01 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2017/UBND NGÀY 21/8/2024 CỦA UBND TỈNH				
IV	I	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng		
16	1	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	QĐ 2017	DVC TT một phần
D. NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI TỔNG: 15 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2444 NGÀY 22/07/2019 CỦA UBND TỈNH 2. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2708 NGÀY 12/08/2019 CỦA UBND TỈNH 3. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2707 NGÀY 12/08/2019 CỦA UBND TỈNH 4. QUYẾT ĐỊNH SỐ 264/UBND NGÀY 20/01/2020 CỦA UBND TỈNH				
V	I	Lĩnh vực Đường thủy nội địa (15 TTHC)		
17	1	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QĐ 2708	Dịch vụ CCTT trực tuyến
18	2	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QĐ 2708	Dịch vụ CCTT trực tuyến
19	3	Cấp lại giấy chứng nhận, đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.	QĐ 2708	Dịch vụ CCTT trực tuyến
20	4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QĐ 2707	DVC TT một phần
21	5	Xoá đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người.	QĐ 2708	Dịch vụ CCTT trực tuyến
22	6	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QĐ 2444	
23	7	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QĐ 2707	DVC TT một phần

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
24	8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký	QĐ 2708	Dịch vụ CCTT trực tuyến
25	9	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QĐ 2708	Dịch vụ CCTT trực tuyến
26	10	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QĐ 2707	DVC TT một phần
27	11	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05	QĐ 2708	DVC TT Toàn trình
28	12	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QĐ 2444	DVC TT một phần
29	13	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	QĐ 264	
30	14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QĐ 2708	Dịch vụ CCTT trực tuyến
31	15	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký	QĐ 2708	Dịch vụ CCTT trực tuyến
NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỔNG: 04 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 67 NGÀY 08/01/2020 CỦA UBND TỈNH 2. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2771 NGÀY 03/12/2024				
VI	I	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Tổ hợp tác (03 TTHC)		
32	1	Thông báo thành lập Tổ hợp tác	QĐ 67	
33	2	Thông báo chấm dứt hoạt động của Tổ hợp tác	QĐ 67	
34	3	Thông báo thay đổi Tổ hợp tác	QĐ 67	
35	4	Hỗ trợ Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QĐ 2771	

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
F. NGÀNH LAO ĐỘNG - TB&XH TỔNG: 66 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH 3747 NGÀY 22/11/2019 CỦA UBND TỈNH; 2. QUYẾT ĐỊNH 3402 NGÀY 11/10/2021 CỦA UBND TỈNH; 3. QUYẾT ĐỊNH 680/QĐ-UBND ngày 27/03/2023 CỦA UBND TỈNH. 4. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2110/QĐ-UBND NGÀY 05/09/2023 CỦA UBND TỈNH. 5. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2111/QĐ-UBND NGÀY 05/09/2023 CỦA UBND TỈNH.				
VII	I	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (17 TTHC)		
36	1	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	QĐ 2111	Dịch vụ CCTT trực tuyến
37	2	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	QĐ 713	DVC TT Toàn trình
38	3	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	QĐ 2111	Dịch vụ CCTT trực tuyến
39	4	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	QĐ 713	DVC TT một phần
40	5	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	QĐ 2111	Dịch vụ CCTT trực tuyến
41	6	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	QĐ 713	DVC TT Toàn trình
42	7	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	QĐ 713	Dịch vụ CCTT trực tuyến
43	8	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	QĐ 713	DVC TT một phần
44	9	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QĐ 713	DVC TT một phần
45	10	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	QĐ 713	DVC TT một phần
46	11	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QĐ 713	DVC TT một phần
47	12	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QĐ 713	DVC TT một phần

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
48	13	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QĐ 713	DVC TT một phần
49	14	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	QĐ 713	DVC TT Toàn trình
50	15	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	QĐ 2111	Dịch vụ CCTT trực tuyến
51	16	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QĐ 713	DVC TT một phần
52	17	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QĐ 713	DVC TT một phần
VII	II	Lao động(01 TTHC)		
53	1	Hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng kinh doanh do đại dịch COVID-19	QĐ 3402	DVC TT một phần
VIII	III	Lĩnh vực Người có công (45 TTHC)		
54	1	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”	QĐ 680	
55	2	Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”	QĐ 680	
56	3	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần	QĐ 3747	DVC TT một phần
57	4	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QĐ 680	Dịch vụ CCTT trực tuyến
58	5	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	QĐ 680	
59	6	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QĐ 680	Dịch vụ CCTT trực tuyến
60	7	Trợ cấp hàng tháng/ một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QĐ 3747	DVC TT một phần
61	8	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng Danh hiệu Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QĐ 680	DVC TT một phần
62	9	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	QĐ 680	Dịch vụ CCTT trực tuyến
63	10	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QĐ 680	Dịch vụ CCTT trực tuyến

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
64	11	Giải quyết chế độ đối với thương binh và người hưởng CS như thương binh	QĐ 3747	
65	12	Giải quyết chế độ người Hoạt động kháng chiến, giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QĐ 3747	Dịch vụ CCTT trực tuyến
66	13	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	QĐ 680	
67	14	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	QĐ 680	Dịch vụ CCTT trực tuyến
68	15	Hưởng trợ cấp mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	QĐ 3747	
69	16	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	QĐ 680	
70	17	Thực hiện chế độ ưu đãi trong GD-ĐT đối với người có công với cách mạng và con của họ	QĐ 3747	DVC TT một phần
71	18	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QĐ 680	
72	19	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QĐ 680	
73	20	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	QĐ 680	Dịch vụ CCTT trực tuyến
74	21	Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”	QĐ 680	
75	22	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	QĐ 680	DVC TT một phần
76	23	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	QĐ 680	
77	24	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QĐ 680	Dịch vụ CCTT trực tuyến
78	25	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	QĐ 3747	DVC TT một phần
79	26	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006	QĐ 680	
80	27	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	QĐ 680	DVC TT một phần
81	28	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QĐ 680	DVC TT một phần

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
82	29	Thủ tục: Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	QĐ 3747	DVC TT một phần
83	30	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QĐ 3747	DVC TT một phần
84	31	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QĐ 1856	
85	32	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	QĐ 3747	DVC TT một phần
86	33	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	QĐ 680	Dịch vụ CCTT trực tuyến
87	34	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QĐ 3747	DVC TT một phần
88	35	Thủ tục: Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QĐ 3747	
89	36	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	QĐ 3747	DVC TT một phần
90	37	Giải quyết chế độ trợ cấp người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	QĐ 3747	
91	38	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QĐ 3747	DVC TT một phần
92	39	Xét tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	QĐ 3747	DVC TT một phần
93	40	Giải quyết chế độ trợ cấp đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	QĐ 3747	
94	41	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chia	QĐ 3747	DVC TT một phần
95	42	Mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân	QĐ 3747	DVC TT một phần
96	43	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	QĐ 680	Dịch vụ CCTT trực tuyến
97	44	Giải quyết chế độ trợ cấp người có công giúp đỡ cách mạng	QĐ 3747	
98	45	Lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình	QĐ 3747	
IX	IV	Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội (01 TTHC)		
99	1	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	QĐ 2604	DVC TT toàn trình
X	V	Lĩnh vực Việc làm (02 TTHC)		
100	1	Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do đại dịch COVID-19	QĐ 2128	
101	2	Hỗ trợ người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc do đại dịch COVID-19 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp	QĐ 2128	

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
G. NGÀNH NỘI VỤ TỔNG: 15 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 1493 NGÀY 18/6/2024 CỦA UBND TỈNH 2. QUYẾT ĐỊNH SỐ 721 NGÀY 09/4/2025 CỦA UBND TỈNH				
XI	I	Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng (05 TTHC)		
102	1	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất (Cấp xã)	QĐ 1493	DVC TT toàn trình
103	2	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến (Cấp xã)	QĐ 1493	DVC TT toàn trình
104	3	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo chuyên đề (Cấp xã)	QĐ 1493	DVC TT toàn trình
105	4	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho hộ gia đình (Cấp xã)	QĐ 1493	DVC TT toàn trình
106	5	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã theo công trạng (Cấp xã)	QĐ 1493	
XII	II	Lĩnh vực Tôn giáo (10 TTHC)		
107	1	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	QĐ 721	Dịch vụ CCTT trực tuyến
108	2	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã (cấp xã)	QĐ 721	Dịch vụ CCTT trực tuyến
109	3	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc (cấp xã)	QĐ 721	Dịch vụ CCTT trực tuyến
110	4	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã (cấp xã)	QĐ 721	Dịch vụ CCTT trực tuyến
111	5	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác (cấp xã)	QĐ 721	Dịch vụ CCTT trực tuyến
112	6	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	QĐ 721	Dịch vụ CCTT trực tuyến
113	7	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	QĐ 721	Dịch vụ CCTT trực tuyến
114	8	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã (cấp xã)	QĐ 721	Dịch vụ CCTT trực tuyến
115	9	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	QĐ 721	Dịch vụ CCTT trực tuyến
116	10	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	QĐ 721	Dịch vụ CCTT trực tuyến

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
		H. NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỔNG: 12 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH 3149 NGÀY 23/09/2019 CỦA UBND TỈNH; 2. QUYẾT ĐỊNH 3157 NGÀY 21/09/2020 CỦA UBND TỈNH; 3. QUYẾT ĐỊNH 2302 NGÀY 03/10/2024 CỦA UBND TỈNH; 4. QUYẾT ĐỊNH 2567 NGÀY 06/10/2023 CỦA UBND TỈNH; 5. QUYẾT ĐỊNH 2302 NGÀY 03/10/2024 CỦA UBND TỈNH; 6. QUYẾT ĐỊNH 1987/QĐ-UBND NGÀY 14/08/2024 CỦA UBND TỈNH; 5. QUYẾT ĐỊNH SỐ 411 NGÀY 27/02/2025 CỦA UBND TỈNH.		
XIII	I	Lĩnh vực Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai (5 TTHC)		
117	1	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	QĐ 3149	Dịch vụ CCTT trực tuyến
118	2	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	QĐ 2567	
119	3	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	QĐ 3149	Dịch vụ CCTT trực tuyến
120	4	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	QĐ 2567	
XIV	II	Lĩnh vực Thủy lợi(03 TTHC)		
121	1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QĐ 3149	
122	2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QĐ 3149	
123	3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QĐ 3149	
XV	III	Lĩnh vực Trồng trọt (01 TTHC)		
124	1	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	QĐ 2302	DVC TT toàn trình
XVI	IV	Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (02 TTHC)		
125	1	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	QĐ 3157	DVC TT toàn trình
126	2	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	QĐ 3149	
XVII	V	Kiểm lâm (01 TTHC)		
127	1	Quyết định giao rừng cho tổ chức	QĐ 1987	DVC TT toàn trình

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
I. NGÀNH TƯ PHÁP TỔNG: 44 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2407 NGÀY 18/072019 CỦA UBND TỈNH; 2. QUYẾT ĐỊNH SỐ 3509/QĐ-UBND NGÀY 30/8/2021 CỦA UBND TỈNH; 3. QUYẾT ĐỊNH SỐ 300/QĐ-UBND NGÀY 13/02/2025 CỦA UBND TỈNH				
XVIII	I	Lĩnh vực Chứng thực(11 TTHC)		
127	1	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QĐ 300	Dịch vụ CCTT trực tuyến
128	2	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QĐ 300	Dịch vụ CCTT trực tuyến
129	3	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QĐ 300	Dịch vụ CCTT trực tuyến
130	4	Sửa lỗi, sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QĐ 300	Dịch vụ CCTT trực tuyến
131	5	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QĐ 300	Dịch vụ CCTT trực tuyến
132	6	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QĐ 300	Dịch vụ CCTT trực tuyến
133	7	Chứng thực di chúc	QĐ 300	Dịch vụ CCTT trực tuyến
134	8	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QĐ 300	Dịch vụ CCTT trực tuyến
135	9	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QĐ 300	Dịch vụ CCTT trực tuyến
136	10	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QĐ 300	DVC TT toàn trình
137	11	Cấp bản sao từ sổ gốc	QĐ 300	Dịch vụ CCTT trực tuyến
XIX	II	Lĩnh vực Hộ tịch (24 TTHC)		
138	1	Đăng ký giám sát việc giám hộ	QĐ 300	DVC TT một phần

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
139	2	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	QĐ 300	DVC TT một phần
140	3	Thủ tục đăng ký khai sinh	QĐ 300	DVC TT toàn trình
141	4	Thủ tục đăng ký kết hôn	QĐ 300	DVC TT một phần
142	5	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	QĐ 300	DVC TT toàn trình
143	6	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	QĐ 300	DVC TT một phần
144	7	Thủ tục đăng ký khai tử	QĐ 300	DVC TT toàn trình
145	8	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	QĐ 300	DVC TT toàn trình
146	9	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	QĐ 300	DVC TT một phần
147	10	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	QĐ 300	DVC TT toàn trình
148	11	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QĐ 300	DVC TT một phần
149	12	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QĐ 300	DVC TT một phần
150	13	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QĐ 300	DVC TT một phần
151	14	Thủ tục Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QĐ 300	DVC TT toàn trình
152	15	Thủ tục đăng ký giám hộ	QĐ 300	DVC TT một phần
153	16	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	QĐ 300	DVC TT một phần
154	17	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	QĐ 300	DVC TT một phần
155	18	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QĐ 300	DVC TT một phần

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
156	19	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	QĐ 300	DVC TT một phần
157	20	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QĐ 300	DVC TT một phần
158	21	Đăng ký lại khai tử	QĐ 300	DVC TT toàn trình
159	22	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	QĐ 300	DVC TT một phần
160	23	Thủ tục Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	QĐ 300	Dịch vụ CCTT trực tuyến
161	24	Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến	QĐ 300	DVC TT một phần
XX	III	Lĩnh vực Nuôi con nuôi (03 TTHC)		
162	1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QĐ 2407	DVC TT một phần
163	2	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QĐ 2407	DVC TT một phần
164	3	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QĐ 2407	DVC TT một phần
XXI	IV	Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục Pháp luật (06 TTHC)		
165	1	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	QĐ 3509	DVC TT toàn trình
166	2	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	QĐ 3509	DVC TT toàn trình
167	3	Thủ tục công nhận hòa giải viên	QĐ 3509	DVC TT toàn trình
168	4	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	QĐ 3509	DVC TT toàn trình
169	5	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	QĐ 3509	DVC TT toàn trình
170	6	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QĐ 3509	DVC TT toàn trình

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
K. NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỔNG: 07 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 3614 NGÀY 04/11/2019 CỦA UBND TỈNH; 2. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2933 NGÀY 10/11/2013 CỦA UBND TỈNH; 3. QUYẾT ĐỊNH SỐ 992 NGÀY 15/04/2024 CỦA UBND TỈNH; 4. QUYẾT ĐỊNH SỐ 1989 NGÀY 16/08/2024 CỦA UBND TỈNH HÀ TĨNH				
XXII	I	Lĩnh vực Gia đình (02 TTHC)		
171	1	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	QĐ 992	
172	2	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	QĐ 992	
XXIII	II	Lĩnh vực Thư viện (03 TTHC)		
173	1	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	QĐ 1989	
174	2	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	QĐ 1989	DVC TT một phần
175	3	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	QĐ 2933	DVC TT một phần
XXIV	IV	Văn hóa (01 TTHC)		
176	1	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	QĐ 3614	DVC TT toàn trình
XXV	V	Thể dục thể thao (01 TTHC)		
177	1	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	QĐ 3614	DVC TT toàn trình
L. NGÀNH THANH TRA TỔNG: 08 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 23 NGÀY 05/01/2023 CỦA UBND TỈNH 2. QUYẾT ĐỊNH SỐ 247 NGÀY 23/3/2024 CỦA UBND TỈNH				
XXVI	I	Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng (04 TTHC)		
178	1	Thủ tục thực hiện việc giải trình	QĐ 23	
179	2	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	QĐ 23	
180	3	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	QĐ 23	
181	4	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	QĐ 23	
XXV	II	Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại (01 TTHC)		
182	1	Giải quyết khiếu nại lần đầu UBND cấp xã	QĐ 247	
XXVII	III	Lĩnh vực Giải quyết tố cáo (01 TTHC)		
183	1	Giải quyết tố cáo tại UBND cấp xã	QĐ 247	
XXVIII	IV	Lĩnh vực Tiếp công dân (01 TTHC)		
184	1	Tiếp công dân tại UBND cấp xã	QĐ 247	
XXIX	V	Lĩnh vực Xử lý đơn (01 TTHC)		
185	1	Xử lý đơn tại UBND cấp xã	QĐ 247	

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
M. NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỔNG: 41 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2379/QĐ-UBND NGÀY 10/12/2019 CỦA UBND TỈNH (03 TTHC); 2. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2180/QĐ-UBND NGÀY 12/09/2024 CỦA UBND TỈNH (22 TTHC); 3. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2781/QĐ-UBND NGÀY 04/12/2024 CỦA UBND TỈNH (16 TTHC).				
XXX	I	Lĩnh vực Đất đai (39 TTHC)		
186	1	Hòa giải tranh chấp đất đai cấp xã	QĐ 2379	
187	2	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền ở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất.	QĐ 2781	Liên thông
188	3	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	QĐ 2781	Liên thông
189	4	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	QĐ 2781	Liên thông
190	5	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi.	QĐ 2781	Liên thông
191	6	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	QĐ 2781	Liên thông
192	7	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	QĐ 2781	Liên thông
193	8	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là cá nhân	QĐ 2781	Liên thông
194	9	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	QĐ 2781	Liên thông
195	10	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	QĐ 2781	Liên thông
196	11	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	QĐ 2781	Liên thông
197	12	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và sổ liệu bàn giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	QĐ 2781	Liên thông

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
198	13	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại thị trấn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở.	QĐ 2781	Liên thông
199	14	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	QĐ 2781	
200	15	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư	QĐ 2781	
201	16	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư	QĐ 2781	
202	17	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là cá nhân	QĐ 2781	
203	18	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai	QĐ 2180	Liên thông
204	19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	QĐ 2180	Liên thông
205	20	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	QĐ 2180	Liên thông
206	21	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	QĐ 2180	Liên thông
207	22	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích đất do sạt lở tự nhiên	QĐ 2180	Liên thông
208	23	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký	QĐ 2180	Liên thông
209	24	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm; bán tài sản; chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	QĐ 2180	Liên thông

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
210	25	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ	QĐ 2180	Liên thông
211	26	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	QĐ 2180	Liên thông
212	27	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014.	QĐ 2180	Liên thông
213	28	Đăng ký cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	QĐ 2180	Liên thông
214	29	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận	QĐ 2180	Liên thông
215	30	Cấp đổi giấy chứng nhận	QĐ 2180	Liên thông
216	31	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	QĐ 2180	Liên thông
217	32	Cấp lại giấy chứng nhận do bị mất	QĐ 2180	Liên thông
218	33	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	QĐ 2180	Liên thông
219	34	Thu hồi giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại giấy chứng nhận sau khi thu hồi	QĐ 2180	Liên thông
220	35	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	QĐ 2180	Liên thông
221	36	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	QĐ 2180	Liên thông
222	37	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất	QĐ 2180	Liên thông
223	38	Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản	QĐ 2180	Liên thông
224	39	Đăng ký và cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp cho tặng quyền sử dụng đất cho nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông	QĐ 2180	Liên thông
XXXI	II	Lĩnh vực Môi trường (02 TTHC)		
225	1	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	QĐ 2379	
226	2	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	QĐ 2379	

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
N. NGÀNH QUỐC PHÒNG TỔNG: 21 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH 1291 NGÀY 07/10/2019 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ; 2. QĐ 3648 NGÀY 04/09/2018 CỦA BỘ QUỐC PHÒNG; 3. QĐ 1917 NGÀY 15/05/2019 CỦA BỘ QUỐC PHÒNG, 4. QĐ 4576/QĐ-BQP ngày 06/11/2022 CỦA BỘ QUỐC PHÒNG.				
XXXII	I	Lĩnh vực Động viên quân đội (02 TTHC)		
227	1	Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>)	QĐ 1291	
228	2	Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>)	QĐ 1291	
XXXIII	II	Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội (01 TTHC)		
229	1	Giải quyết chế độ hưu trí hàng tháng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01/4/2000	QĐ 1291	
XXXIV	III	Lĩnh vực Dân quân tự vệ (02 TTHC)		
230	1	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết	QĐ 1291	
231	2	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết	QĐ 1291	
XXXV	IV	Lĩnh vực Nghĩa vụ Quân sự (07 TTHC)		
232	1	Đăng ký Nghĩa vụ Quân sự lần đầu	QĐ 1291	
233	2	Đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị	QĐ 1291	
234	3	Đăng ký Nghĩa vụ Quân sự bổ sung	QĐ 1291	
235	4	Đăng ký Nghĩa vụ Quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	QĐ 1291	
236	5	Đăng ký Nghĩa vụ Quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	QĐ 1291	
237	6	Đăng ký Nghĩa vụ Quân sự tạm vắng	QĐ 1291	
238	7	Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến	QĐ 1291	
XXXVI	V	Lĩnh vực Chính sách (09 TTHC)		
239	1	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong Quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc	QĐ 1291	
240	2	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong Quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc (<i>đối tượng từ trần</i>)	QĐ 1291	
241	3	Giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp Giấy chứng nhận đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân trong nước kê khai, nhận chế độ	QĐ 3648	
242	4	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần, cấp “Giấy chứng nhận” đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	QĐ 1917	

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Mức độ
243	5	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30/4/1975, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	QĐ 1917	
244	6	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, có dưới 15 năm công tác đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng còn sống) thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng	QĐ 1917	
245	7	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối với đối tượng đã từ trần) do Bộ Quốc phòng giải quyết	QĐ 1917	
246	8	Thủ tục cấp giấy chứng nhận hy sinh đề nghị công nhận liệt sĩ đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban cơ yếu Chính phủ hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	QĐ 4576	
247	9	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương đề nghị công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban cơ yếu Chính phủ bị thương trong chiến tranh đã chuyển ra	QĐ 4576	
Tổng cộng: Có 12 Ngành; 36 Lĩnh vực; 247 Thủ tục hành chính				

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ